

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/2020/KDTM-PT

Ngày: 10-3-2020

Vv Yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ thanh toán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Bà Trần Thị Kim Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLPT-KDTM ngày 17/01/2020 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 19/2019/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐ-KDTM ngày 07/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐ-PT, ngày 28/02/2020, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí T

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Pv, lô A2.1, đường 30/4, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Do ông Lê Tuấn N - Giám đốc đại diện theo pháp luật, ông N có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N

Địa chỉ: Số 67 đường Mê Linh, phường Tân Lập, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Đ (Giấy ủy quyền ngày), bà Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty xây lắp dầu khí T (tức PVC-MT) và Công ty cổ phần dầu khí N (tức INT) có ký kết hợp đồng như sau: hợp đồng nguyên tắc số 91/HĐNT/PVIN-PVC.MT năm 2010 về việc thi công xây dựng dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh, hợp đồng số 02/2011/PVIN-PVCMT/NT-G1, ngày 12/9/2011, gói thầu sân golf phía tây 9 lỗ, sân golf phía bắc 7 lỗ và sân tập golf, dự án sân golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh. Giá trị hợp đồng là 62.234.100.170 đồng. PVC-MT đã thực hiện thi công gói thầu sân golf phía tây 9 lỗ, sân golf phía bắc 7 lỗ và sân tập golf với giá trị quyết toán hợp đồng là 8.592.379.131 đồng. Ngày 07/11/2011, PVC-MT xuất hóa đơn số 0002289 giá trị khối lượng đợt 1 với số tiền là 6.855.642.773 đồng. Ngày 25/12/2014 hai bên đã ký bảng tổng hợp giá trị quyết toán và bàn giao công trình, theo đó ngày 31/12/2014, xuất hóa đơn số 0003197 giá trị quyết toán là 1.736.736.358 đồng. Đến nay INT đã thanh toán cho PVC-MT số tiền 6.419.338.993 đồng theo 2 đợt.

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2018 giữa hai công ty thì Công ty cổ phần dầu khí N còn nợ 2.173.040.993 đồng.

Nay Công ty xây lắp dầu khí T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần dầu khí N phải thanh toán số tiền nợ gốc 2.173.040.993 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 06/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 524.351.815 đồng.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn trình bày:

Ngày 12/9/2011, Công ty cổ phần dầu khí N (tức INT) và Công ty cổ phần xây lắp dầu khí T (tức PVC-MT) ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 02/2011/PVIN-PVCMT/NT-G1 gói thầu: thi công sân golf phía tây 9 lỗ, sân golf phía bắc 7 lỗ và sân tập golf, dự án sân golf và khu biệt thự sinh thái Cam Ranh; giá trị hợp đồng (đã gồm VAT): 69.234.100.170 đồng.

Đối với giá trị khối lượng hoàn thành đợt 1 mà PVC-MT đã nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ (Hóa đơn số 0002289 ngày 07/11/2011) INT đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình. Tính đến thời điểm hiện tại INT đã thanh toán vượt mức phải thanh toán của giá trị khối lượng hoàn thành Đợt 1, với giá trị vượt quá (B-A) là 934.823.920 đồng.

Đối với nghĩa vụ thanh toán giá trị đợt quyết toán hợp đồng: Tại khoản 8.4 Điều 8 của Hợp đồng quy định “Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu”. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, INT vẫn chưa nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán từ PVC-MT. Do đó, việc PVC-MT yêu cầu INT thanh toán số tiền 2.173.040.993 đồng và tiền lãi chậm trả, Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 2.173.040.993 đồng và không đồng ý thanh toán tiền lãi.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2019/KDTM-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N đã: Căn cứ Điều 306, 317 Luật thương mại 2005, các Điều 280, 290, 352 và 357 Bộ luật dân sự:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty cổ phần dầu khí N phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây lắp dầu khí T số tiền

2.697.392.808đ (hai tỷ sáu trăm chín bảy triệu ba trăm chín hai ngàn tám trăm lẻ tám đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần quy định thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2019, bị đơn Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho rằng Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Do có kháng cáo của bị đơn đối với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ yêu cầu kháng cáo với các nội dung: Không đồng ý thanh toán khoản tiền lãi 524.351.815 đồng mà án sơ thẩm buộc thanh toán;

Đối với nợ gốc 2.173.040.993 đồng bị đơn đồng ý trả với điều kiện nguyên đơn phải cung cấp đủ hồ sơ thanh toán.

Xét thấy: Hợp đồng số 02/2011/PVIN-PVCMT/NT-G1 ngày 12/9/2011 đã được các bên thống nhất và ký quyết toán theo Bảng tổng hợp giá trị quyết toán ngày 25/12/2014 với tổng giá trị quyết toán là 8.592.379.131 đồng; Công ty cổ phần xây lắp dầu khí T đã xuất 02 hoá đơn giá trị gia tăng số 0002289 ngày 07/11/2011 và hoá đơn giá trị gia tăng số 0003197 ngày 31/12/2014 cho công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N với tổng số tiền là 8.592.379.113 đồng.

Như vậy việc Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N đưa ra lý do chưa nhận được hoá đơn giá trị gia tăng và hồ sơ thanh toán hợp lệ để cho rằng mình chưa có trách nhiệm thanh toán số tiền 2.173.040.993 đồng là không có căn cứ bởi lẽ tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2018 Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N đã xác nhận số tiền Công ty cổ phần xây lắp T đã xuất hoá đơn cho Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N là 8.592.379.113 đồng.

Do Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N chậm thanh toán nên việc Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí T yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N phải trả lãi đối với khoản tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo bảng kê tính tiền lãi chậm trả từ ngày 06/01/2018 đến ngày 20/11/2019 với số tiền 524.351.815 đồng là có căn cứ.

[3]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư dầu khí N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng 1.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0015967 ngày 09/01/2020 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0015731 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

[5]. Đối với phần qui định khoản tiền lãi khi thi hành án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa chính xác, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.; Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N; Giữ nguyên bản án số 19/2019/KDTM-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Căn cứ Điều 306, 317 Luật thương mại 2005

Căn cứ các Điều 280, 290, 352 và 357 Bộ luật dân sự

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần dầu khí N phải thanh toán cho Công ty cổ phần xây lắp dầu khí T số tiền 2.697.392.808 đồng (Hai tỷ sáu trăm chín bảy triệu ba trăm chín hai ngàn tám trăm lẻ tám đồng); Trong đó nợ gốc 2.173.040.993 đồng, tiền lãi 524.351.815 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần dầu khí N phải nộp 85.947.856 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng 1.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0015967 ngày 09/01/2020 và

300.000đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0015731 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N. Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

- Trả lại cho Công ty cổ phần xây lắp dầu khí T số tiền 47.500.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0014841 ngày 03/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N

Quy định: Kể từ ngày Công ty cổ phần xây lắp dầu khí T có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí N còn phải chịu lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc 2.173.040.993 đồng cho đến khi thanh toán xong, lãi suất tính theo mức lãi suất trung bình của các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THA Tp.N;
- Lưu hồ sơ; Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Công Đường